TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2023/DS-ST
Ngày: 28 - 9 – 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Triệu Khánh Long
Ông Thái Trung Nghĩa
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Âu Hoàng Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2023/TLST-DS, ngày 30 tháng 3 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Duy M, sinh năm 1985; Địa chỉ: số C khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Chị Trần Diễm M1, sinh năm 1996; địa chỉ: số C khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982; (vắng mặt)
Bà Lý Mộng T1, sinh năm 1985; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm V, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/3/2023 của nguyên đơn ông Nguyễn Duy M cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Từ ngày 19/03/2022 đến hết ngày 31/12/2022 ông Nguyễn Duy M (chủ hộ kinh doanh T) có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn mang nhãn hiệu Việt H và các loại thuốc thủy sản, hóa chất phục vụ cho việc nuôi tôm với ông Nguyễn Thanh T và bà Lý Mộng T1 thông qua hợp đồng bằng văn bản. Theo đó, các bên thống nhất thỏa thuận ông M có nghĩa vụ cung cấp thức ăn mang nhãn hiệu Việt H và các loại thuốc, hóa chất phục vụ cho việc nuôi tôm

theo đơn đặt hàng của ông T, bà T1. Đơn giá được niêm yết tại cửa hàng, xác định theo từng thời điểm và có ghi nhận vào sổ giao nhận hàng. Hàng hóa được giao tại cửa hàng, ông T và bà T1 đến lấy hoặc nhờ người nhà đến lấy theo đơn đặt hàng. Sau khi nhận hàng thì tiến hành kiểm tra về số lượng, đơn giá, chất lượng, chủng loại, hai bên thống nhất thì ký xác nhận vào sổ giao nhận hàng. Về phương thức thanh toán hai bên thống nhất thỏa thuận ông T, bà T1 sẽ thanh toán cho ông M dứt điểm tiền hàng khi thu hoạch tôm, trường hợp nuôi tôm thất vẫn phải thanh toán dứt điểm công nợ. Nếu thu hoạch tôm mà không thanh toán dứt tiền công nợ, ông M có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu ông T, bà T1 phải thanh toán hết tiền hàng. Ông M đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình. Sau khi nhận hàng ông T, bà T1 không phàn nàn về số lượng, chất lượng, chủng loại, đơn giá sản phẩm. Tuy nhiên, đến ngày 30/05/2022 sau khi thu hoạch tôm ông T, bà T1 lại không thanh toán dứt điểm tiền hàng. Do đó, ông M đã ngưng cung cấp hàng hóa. Tính đến ngày khởi kiện thì ông T, bà T1 còn nợ lại ông M tổng số tiền 360.934.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Nay nguyên đơn ông Nguyễn Duy M yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Thanh T, bà Lý Mộng T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Duy M số tiền nợ thức ăn và thuốc thủy sản tổng cộng là 360.934.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, bà T1, nhưng ông T, bà T1 không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông M. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ ông T, bà T1 hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T, bà T1 đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã ban hành thông báo cho ông T, bà T1 biết kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông T, bà T1 cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T, bà T1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn ông T, bà T1 chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn liên đới thanh toán số tiền mua thức ăn còn nợ 360.934.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng)

cho nguyên đơn. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Diễm M1 có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Lý Mộng T1 đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị M1, ông T, bà T1 theo quy định pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Duy M với bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Lý Mộng T1 là tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú ở khóm V, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung vụ án: Vào năm 2022 nguyên đơn có bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho các bị đơn, hàng hóa được giao nhận tại cửa hàng, ông T và bà T1 hoặc người nhà ông T đến lấy hàng theo đơn đặt hàng, khi kết toán lại thì ông T và bà T1 còn nợ ông M số tiền 360.934.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng) và hai bên có ký đối chiếu xác nhận công nợ và được bị đơn ông T thừa nhận ký xác nhận vào công nợ, không phản đối, tình tiết nêu trên nên nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận buộc các bị đơn liên đới trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 360.934.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng) cho nguyên đơn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Duy M có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông T và bà T1 phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 430; Điều 433; Điều 434; Điều 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy M đối với các bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Lý Mộng T1.

Buộc các bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Lý Mộng T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Duy M số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ 360.934.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Duy M có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông T và bà T1 phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Lý Mộng T1 phải liên đới cùng chịu án phí là 18.046.700 đồng (mười tám triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.
- Nguyên đơn ông Nguyễn Duy M không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.023.350 đồng (chín triệu không trăm hai mươi ba nghìn ba trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007854 ngày 28/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chiêu Hùng